

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày 21-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Nguyễn Thị Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vương Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2020/TLST-HS ngày 02/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh năm 198X tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT: Số 123/96 C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn 5 xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nguyên là công chức UBND phường H; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Ngô Thị T1; có vợ là Vũ Thị T2 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 11/9/2019; có mặt.

- Bị hại:

Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội quận L, thành phố H; Địa chỉ: Số 10 H, quận L, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S là công chức văn hoá - xã hội công tác tại Ủy ban nhân dân phường H, được phân công nhiệm vụ phối kết hợp và hỗ trợ bộ phận Lao động - Thương binh và xã hội (LĐ-TB&XH) trong chi trả bảo hiểm xã hội (BHXH) hàng tháng, các công việc đột xuất cần tăng cường cho cho hoạt động LĐ-TB&XH. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 3/2019, vì mục đích chiếm đoạt tiền trợ cấp xã hội, S đã lợi dụng nhiệm vụ được giao, làm giả các tài liệu trong 02 hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi khi người có công từ trần mang tên bà Đỗ Thị K, sinh năm 194Y; nơi cư trú: Số 01/40 C, phường H, quận L, Hải Phòng và ông Lê Văn L, sinh năm 192T; nơi cư trú: Số 37 C, phường H, quận L, Hải Phòng để chiếm đoạt tiền mai táng phí. Cụ thể như sau:

Đối với hồ sơ của bà Đỗ Thị K: S sử dụng máy vi tính tự soạn thảo trích lục Khai tử số 45 ngày 30/8/2018 mang tên bà K, cắt dán chữ ký photo của ông Bùi Ngọc T3 - Chủ tịch UBND phường H và đóng dấu của UBND phường. Sau đó, S lấy chứng minh nhân dân bản sao của anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 197U, nơi thường trú: Số 8/65 Đ, quận H, Hải Phòng từ một hồ sơ lưu tại phường (không nhớ rõ hồ sơ nào) để dùng thông tin nhân thân của anh Q làm người nhận mai táng phí, tiếp tục soạn thảo bản khai hưởng chế độ ưu đãi khi người có công từ trần, đơn đề nghị gửi BHXH quận L để xác nhận bà K không hưởng chế độ gì do quận chi trả. Các chữ ký, chữ viết tại phần người khai, người đề nghị trong các tài liệu này đều do S ký và viết. S đưa các tài liệu gồm chứng minh nhân dân bản sao của anh Q, bản khai hưởng chế độ và đơn đề nghị cho ông Nguyễn Mạnh H - Phó Chủ tịch UBND phường H ký chứng thực, ký xác nhận rồi đem đi đóng dấu. S lập hồ sơ này thành 02 bản gồm 04 tài liệu trên cùng bản sao danh sách người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc hưởng trợ cấp một lần và gửi đến Phòng LĐ-TB&XH quận L để làm thủ tục. Sau khi có Quyết định trợ cấp số 18449 ngày 11/10/2018 của Sở LĐ-TB&XH thành phố H, S tiếp tục soạn thảo biên bản ủy Q với nội dung anh Q ủy Q cho ông Trần Quốc T4, công chức văn hoá - xã hội UBND phường H lĩnh tiền mai táng phí. Ông T4 đã nhận số tiền là 13.900.000 đồng và giao L cho S.

Đối với trường hợp của ông Lê Văn L: S làm giả các tài liệu có trong hồ sơ với cách thức tương tự như hồ sơ của bà K. S soạn thảo trích lục khai tử số 29 ngày 22/02/2019 mang tên ông L, lấy thông tin người nhận mai táng phí là bà Phạm Thị T5, sinh năm 193I; nơi thường trú: Số 98 C, phường H, quận L, Hải Phòng. Sau khi có Quyết định trợ cấp số 3394 ngày 25/3/2019 của Sở LĐ-TB&XH thành phố, S soạn thảo biên bản ủy Q với nội dung bà T5 ủy Q cho S lĩnh tiền mai táng phí. S đã nhận số tiền là 13.900.000 đồng tại Phòng LĐ-TB&XH quận L.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã tiến hành thu thập 02 hồ sơ nêu trên tại Phòng LĐ-TB&XH quận L, Sở LĐ-TB&XH thành phố H và trưng cầu giám định đối với các tài liệu có trong hồ sơ.

Tại bản kết luận giám định số 65/KLGD ngày 20/8/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

- Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Hữu Q tại mục "Người Ki" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A1); Chữ viết tại mục "Xác nhận của UBND phường" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A2); Chữ viết tại mục "UBND phường H" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A3); Chữ viết tại các mục in sẵn trừ chữ viết tại mục "Xác nhận của UBND phường", "Bên ủy Q" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A4); Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn S tại mục "Bên được ủy Q" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A4) so với chữ ký, chữ viết của S là chữ ký, chữ viết của cùng một người.

- Chữ ký mang tên "Nguyễn Hữu Q" tại mục "Bên ủy Q" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A2); Chữ ký mang tên "Phạm Thị T5" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A3); Chữ viết tại mục "Xác nhận của UBND phường" và mục "Bên ủy quyền" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A4) so với chữ ký của S là không đủ cơ sở đánh giá kết luận chữ ký của cùng một người.

- Hình tròn dấu có nội dung "UBND phường H Q L T.P H" trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A5, A6) so với dấu hình tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Chủ tịch UBND phường Bùi Ngọc T3 trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A5, A6) là chữ ký sao chụp nên không tiến hành giám định.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn S Ki nhận hành vi phạm tội như nội dung trên. Trong quá trình thực hiện công tác, khi rà soát danh sách người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc được hưởng trợ cấp, S phát hiện có bà Đỗ Thị K có tên trong danh sách nhưng hiện không sinh sống tại địa phương; Và có sự sai lệch thông tin về năm sinh, địa chỉ của ông Lê Văn L giữa danh sách trên với sổ khai tử đã cấp cho ông L năm 2014 của UBND phường. S đã nảy sinh ý định làm giả các tài liệu để lập 02 hồ sơ đề nghị hưởng chế độ mai táng phí khi người có công từ trần đối với bà Đỗ Thị K và ông Lê Văn L nhằm chiếm đoạt tiền. Khi đưa 02 hồ sơ cho ông H xét duyệt, S nói là các trường hợp người quen để ông H tin tưởng và ký xác nhận. S không bàn bạc và thực hiện việc làm giả các tài liệu này cùng ai. Tổng số tiền chiếm đoạt được là 27.800.000 đồng S sử dụng một mình chi tiêu cá nhân. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 07/5/2019 S đã nộp L toàn bộ số tiền cho UBND phường H.

Ông Bùi Ngọc T3 khai: Đầu tháng 5/2019, sau khi S xin nghỉ việc ông T3 phát hiện S có hành vi làm giả 02 hồ sơ của bà K, ông L để nhận tiền mai táng phí đối với người có công khi từ trần. Ông T3 không biết có ký 02 trích lục Ki tử trong 02 hồ sơ này hay không.

Ông Nguyễn Mạnh Hùng khai: Khi S đưa các tài liệu có trong 02 hồ sơ gồm bản khai, đơn đề nghị, biên bản uỷ Q, chứng minh nhân dân bản sao, do tin tưởng nên ông H không kiểm tra L và đã ký xác nhận, ký chứng thực vào các giấy tờ này. Ông H không biết việc S làm giả các tài liệu, không được hưởng lợi gì từ S.

Ông Trần Quốc T4 khai: S có nhờ ông T4 đi nhận tiền mai táng phí đối với bà K. Ông T4 không biết việc S làm sai quy định đối với các hồ sơ trên để chiếm đoạt tiền chính sách, không tham gia, giúp sức hay hưởng lợi gì từ S. Đầu tháng 5/2019, ông T4 phát hiện hồ sơ của bà K, ông L do S làm có dấu hiệu sai phạm nên đã báo cáo lãnh đạo phường và Phòng LĐ-TB&XH quận.

Bà Nguyễn Thị N là công chức văn phòng - thống kê UBND phường H khai: Bà N được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý con dấu của phường. Bà N không nhớ có đóng dấu vào các tài liệu trong 02 hồ sơ nêu trên không hay do lúc sơ suất S tự ý lấy dấu đóng.

Theo lời khai của anh Nguyễn Hữu Q: Anh không có quan hệ gì với bà K và S. Anh Q không làm hồ sơ hưởng chế độ mai táng phí cho bà K.

Bà Bùi Thị V, sinh năm 193E; nơi cư trú: Số 34 C, quận L, Hải Phòng là vợ của ông L khai: Ông L chết ngày 18/5/2014. Sau đó gia đình đã đi làm thủ tục hưởng chế độ mai táng phí và đã được nhận 3.000.000 đồng. Bà V không biết S và không nhờ ai làm hồ sơ để hưởng chế độ mai táng phí đối với ông L.

Theo xác nhận của Công an phường H: Bà K hiện vắng mặt tại địa phương và cư trú tại Mỹ. Tại số 98 C không có ai là Phạm Thị T5 (có căn cước, lai lịch như trong hồ sơ) cư trú.

Tại Bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 31/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã Ki nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị hại Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội quận Lê Chân vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có ý kiến đối với tài sản bị chiếm đoạt, Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội quận Lê Chân đã nhận L, không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát giữ Q công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào điểm c,e khoản 2 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố vợ được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất), xử phạt: Nguyễn Văn S mức án từ 06 đến 07 năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, Q hạn chiếm đoạt tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội quận L, thành phố H đã nhận L toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện cơ bản đúng về thẩm Q, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời Ki của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 3/2019, Nguyễn Văn S đã lợi dụng chức vụ, Q hạn được giao là công chức văn hoá - xã hội tại Ủy ban nhân dân phường H, có nhiệm vụ phối kết hợp, hỗ trợ bộ phận Lao động - Thương binh và Xã hội phường, đã làm giả các tài liệu trong 02 hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi khi người có công từ trần mang tên bà Đỗ Thị K và ông Lê Văn L để chiếm đoạt tổng số tiền mai táng phí là 27.800.000 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) nên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c,e khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm hại đến Q sở hữu tài sản của công dân, cơ quan, tổ chức gây mất trật tự trị an chung.

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự;

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra rất ăn năn hối cải đồng thời sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện nộp L toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho Ủy ban nhân dân phường Hồ Nam để khắc phục hậu quả; bị cáo có bố vợ được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ và bị phạt tiền. Tuy nhiên xét hiện bị cáo đã có quyết định về việc nghỉ thôi việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Lê Chân nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo. Mặt khác, do bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[8] Bị hại Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội quận L, thành phố H đã nhận L toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Đối với ông Bùi Ngọc T3, ông Nguyễn Mạnh H, ông Trần Quốc T4 và bà Nguyễn Thị N, do không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn S, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao những người này đã thiếu trách nhiệm trong quản lý, giám sát nên đã tạo sơ hở để Nguyễn Văn S lạm dụng chiếm đoạt tài sản. Do số tiền S chiếm đoạt là 27.800.000 đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không xem xét xử lý hình sự. Ủy ban nhân dân quận Lê Chân đã xử lý hành chính ban hành các Quyết định kỷ luật đối với ông T3, ông H, ông T4 và bà N do có sai phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c,e khoản 2 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn S 06 (sáu) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2019.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Về Q kháng cáo: Bị cáo có mặt có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND Quận Lê Chân;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an Quận Lê Chân;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Ninh